

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 04/4/2022

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Văn Đông.
2. Bà Trần Thuý Nga.

- Thư ký phiên tòa: Ông Quách Kim Lân - Thư ký Tòa án nhân dân HUYỆN Đ, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân HUYỆN Đ tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Văn Thành – Kiểm Sát viên.

Ngày 04 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân HUYỆN Đ, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 20/2022/TLST – HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2022 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2022, giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị P, sinh năm 1995.

2. Bị đơn: Ông Phan Trung T, sinh năm 1986.

Cùng địa chỉ: Ấp 94, xã T, HUYỆN Đ, tỉnh Đồng Nai.

(Bà P và ông T có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà P trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà P và ông T tự nguyện tiến tới hôn nhân và đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, HUYỆN Đ, tỉnh Đồng Nai và được

cấp giấy chứng nhận kết hôn số 07 ngày 25/02/2016. Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, thường hay cãi nhau. Hai vợ chồng đã nhiều lần hòa giải nhưng không có kết quả, đến năm 2020 hai vợ chồng ly thân cho tới nay. Nay bà P xác định tình cảm với ông T không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà P yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về quan hệ con chung: Có 01 con chung là cháu Phan Minh Khang, sinh ngày 13/02/2017. Ly hôn bà P yêu cầu được nuôi con chung và tạm thời không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Theo bản tự khai ngày 15/3/2022, bà P tự nguyện giao cháu K cho ông T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và tạm thời bà không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về quan hệ tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết

** Lời khai trong quá trình tham gia tố tụng, bị đơn ông Phan Trung T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Ông T và bà P tự nguyện tiến tới hôn nhân và đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, HUYỆN Đ, tỉnh Đồng Nai và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 07 ngày 25/02/2016. Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì bà P đi làm ăn xa, ít khi quay về nhà nên tình cảm vợ chồng phai nhạt. Nay ông xác định tình cảm với bà P không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà P yêu cầu được ly hôn thì ông T đồng ý.

Về quan hệ con chung: Có 01 con chung là cháu Phan Minh Khang, sinh ngày 13/02/2017. Ly hôn ông T yêu cầu được nuôi con chung và tạm thời không yêu cầu bà P phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về quan hệ tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân HUYỆN Đ tham gia phiên tòa:*

- Về tố tụng:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân thủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý đến phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử như sau: Đề nghị Hội đồng xét xử cho bà Hoàng Thị P được ly hôn với ông Phan Trung T. Về con chung: Giao cháu Phan Minh Khang, sinh ngày 13/02/2017 cho ông T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng; do ông T không yêu cầu nên tạm thời bà P không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn bà P phải chịu theo quy định của pháp luật.

Đương sự không cung cấp, bổ sung thêm tài liệu, chứng cứ nào khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp: Bà Hoàng Thị P khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con với ông Phan Trung T, Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Theo địa chỉ trong đơn khởi kiện và bị đơn ông Phan Trung T cung cấp thì ông T hiện đang sinh sống tại địa chỉ: ấp 94, xã T, HUYỆN Đ, tỉnh Đồng Nai nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân HUYỆN Đ, tỉnh Đồng Nai.

[1.3] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 227, 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà P và ông T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, HUYỆN Đ, tỉnh Đồng Nai và được cấp chứng nhận đăng ký kết hôn số 07/2016 ngày 25 tháng 02 năm 2016 nên áp dụng Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xác định là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà P: Hội đồng xét xử nhận thấy quá trình tố tụng bà P và ông T xác định tình cảm vợ chồng phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên bà P yêu cầu ly hôn thì ông T đồng ý. Nguyên nhân mâu thuẫn

là do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, không tìm được tiếng nói chung. Hai vợ chồng đã ly thân từ năm 2020 tới nay, không còn sống chung với nhau, mỗi người có cuộc sống riêng, không ai quan tâm chăm sóc cho ai nên tình cảm vợ chồng giữa bà P và ông T đã không còn. Lời trình bày của bà P và ông T phù hợp với nhau và những chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ hôn nhân giữa bà P và ông T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên xét chấp nhận yêu cầu của bà Phương được ly hôn với ông T là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Bà P và ông T có 01 con chung là cháu Phan Minh Khang, sinh ngày 13/02/2017. Ly hôn bà P và ông T thống nhất giao con chung cho ông T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng. Xét nguyện vọng của bà P và ông T phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Vì vậy, để đảm bảo cuộc sống của cháu Khang được ổn định, việc xem xét để ai trực tiếp nuôi con cần đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên nên Hội đồng xét xử giao con chung cho ông T được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Bà P không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở bà P thực hiện các quyền, nghĩa vụ này. Khi cần thiết, vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên đều có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà P không yêu cầu giải quyết và ông T không yêu cầu bà P phải cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà P và ông T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử quyết định không xem xét giải quyết.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân HUYỆN Đ là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Bà Hoàng Thị P chịu án phí hôn nhân gia đình.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 8, Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn

nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 8 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án năm 2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hoàng Thị P về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con với bị đơn ông Phan Trung T.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Hoàng Thị P được ly hôn với ông Phan Trung T.

1.2. Về con chung: Giao con chung là cháu Phan Minh Khang, sinh ngày 13/02/2017 cho ông T được quyền trực tiếp trong nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Bà P tạm thời không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà P có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở bà P thực hiện các quyền, nghĩa vụ này. Khi cần thiết, vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên đều có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

1.4. Về nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Bà Hoàng Thị P phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) mà bà P đã nộp tại biên lai số 0003398 ngày 11/01/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự HUYỆN Đ, tỉnh Đồng Nai. Bà P đã nộp đủ án phí.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND HĐ;
- Chi cục THADS H. Đ;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Mạnh Tuấn